TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 283/2018/DSST
Ngày: 05 - 7 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Bá Hợp.

2. Ông Võ Thành Viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng cán bộ Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 510/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2018/QĐST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2018, và Quyết định hoãn phiên tòa số 201/2018/QĐST-DS, ngày 21 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T, địa chỉ: Số 89 L, quận Đ, Thành phố Hi.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, địa chỉ: Tầng 2, Số 296 đường P, Phường T, quận P, Thành phố H, là người đại diện theo ủy quyền – văn bản ủy quyền số 10704/2018/UQ-VPB ngày 09/5/018 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Mai Nguyễn Quỳnh C, sinh năm 1972, địa chỉ: 2/21 P, Phường M, quận N, thành phố H(Vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2017, và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP T có ông Trần Duy Khánh là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng TMCP T và Bà Mai Nguyễn Quỳnh C đã ký 01 hợp đồng tín dụng và 01 Hợp đồng thẻ tín dụng, cụ thể là:

1/Hợp đồng tín dụng số: 2036687 ngày 17/10/2014, theo đó Ngân hàng đã cho bà Cső tiền vay 35.000.000 đồng, với thời hạn 39 tháng, lãi suất 30%/ năm. Thực hiện hợp đồng vay bà Cđã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền nợ gốc là 5.965.580 đồng, nợ lãi là 11.299.894 đồng. Sau đó bà Cđã ngưng không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng nữa.

2/ Hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-953126 ngày 21/8/2014, theo đó Ngân hàng đã cấp hạn mức thẻ cho bà Csử dụng là 30.000.000 đồng, bà Cđã sử dụng số tiền nợ gốc là 26.500.000 đồng, nhưng chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền nào đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng này.

Do bà Cvi phạm nghĩa vụ nên Ngân hàng khởi kiện bà Cra Tòa giải quyết những vấn đề sau; cụ thể Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Bà Mai Nguyễn Quỳnh C phải thanh toán toàn bộ nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 06/02/2018 như sau:

1/ Đối với Hợp đồng tín dụng số 2036687 ngày 17/10/2014, nợ gốc là 29.034.420 đồng, nợ lãi là 35.279.485 đồng. Tổng gốc và lãi là: 64.313.905 đồng.

2/ Đối với hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-953126 ngày 21/8/2014 số tiền nợ gốc là 26.500.000 đồng, nợ lãi là 44.447.258 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 70.947.258 đồng.

Như vậy nợ gốc và nợ lãi của 2 hợp đồng trên tạm tính đến ngày 06/02/2018 bà Ccòn nợ Ngân hàng là 135.261.163 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu bà Cphải có trách nhiệm trả số nợ trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra yêu cầu bà Cphải trả lãi suất phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 07/02/2018 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn Bà Mai Nguyễn Quỳnh C trình bày: Tại bản tự khai ngày 06/02/2018 bà xác nhận về việc có ký 2 hợp đồng vay và số tiền vay và tổng số nợ gốc, lãi của 2 hợp đồng vay tạm tính đến ngày 06/02/2018 bà còn nợ Ngân hàng TMCP T là 135.261.163 đồng đúng như Đại diện của Ngân hàng trình bày. Tuy nhiên, do hoàn cảnh của bà hiện nay rất khó khăn nên bà xin Ngân hàng cho bà được trả góp mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ.

Tại phiên Tòa hôm nay bị đơn Bà Mai Nguyễn Quỳnh C vắng mặt; nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và cung cấp bảng tính nợ gốc và lãi bà Ccòn nợ Ngân hàng tính đến ngày 05/7/2018 như sau:

1/ Đối với Hợp đồng tín dụng số 2036687 ngày 17/10/2014, nợ gốc là 29.034.420 đồng, nợ lãi là 40.687.146 đồng. Tổng gốc và lãi là: 69.721.566 đồng.

2/ Đối với hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-953126 ngày 21/8/2014 số tiền nợ gốc là 26.500.000 đồng, nợ lãi là 50.350.265 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 76.850.265 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Mai Nguyễn Quỳnh C có ký 01 hợp đồng vay của Ngân hàng TMCP T số tiền là 35.000.000 đồng và 01 hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với hạn mức được duyệt là 30.000.000 đồng, bà Cđã sử dụng số tiền của thẻ là 26.500.000 đồng nên xác định giữa bà Cvà Ngân hàng có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Bà Ckhông thanh toán nợ đúng hạn nên Ngân hàng khởi kiện bà Ctại nơi bà Ccư trú là quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Về người tham gia tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ông Nguyễn Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn là Bà Mai Nguyễn Quỳnh C đã được Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ cho bà Cnhưng bà Cđã vắng mặt đến lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3]. Về yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ lời trình bày của đại diện nguyên đơn, được bà Cxác nhận đã có cơ sở để khẳng định: Ngân hàng TMCP T có cho bà Cvay số tiền 35.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 2036687 ngày 17/10/2014 với thời hạn 39 tháng, lãi suất 30%/ năm và hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-953126 ngày 21/8/2014 với hạn mức là 30.000.000 đồng, bà Cđã sử dụng 26.500.000 đồng.

Thực hiện hợp đồng vay đối với hợp đồng tín dụng số 2036687 ngày 17/10/2014 Chi đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền nợ gốc là 5.965.580 đồng, nợ lãi là 11.299.894 đồng. Tổng cộng gốc và lãi đã thanh toán là 17.265.474. Sau đó bà Cđã ngưng không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng nữa kể từ ngày 17/01/2016 cho đến nay.

Đối với hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-953126 ngày 21/8/2014 bà Cchưa thanh toán bất kỳ khoản tiền nợ gốc và nợ lãi của hợp đồng này cho Ngân hàng

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ gốc và lãi tính đến ngày 05/7/2018 của Hợp đồng tín dụng số 2036687 ngày 17/10/2014 là

69.721.566 đồng và của hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-953126 ngày 21/8/2014 là 76.850.265 đồng. Tổng cộng gốc và lãi của 2 hợp đồng là 146.571.831 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 280, 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những chứng cứ và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 05/7/2018 của cả hai hợp đồng tín dụng là 146.571.831 đồng.

Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 06/7/2018 tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định trong 02 hợp đồng tín dụng là Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 16/3/2015.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Cphải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.328.592 đồng.

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng TMCP T là 3.022.852 (Ba triệu không trăm hai mươi hai ngàn tám trăm năm mươi hai) đồng theo biên lai thu số 0027557 ngày 05/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Bà Mai Nguyễn Quỳnh C phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền còn nợ của 2 hợp đồng tín dụng là 146.571.831 (Một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi mốt ngàn tám trăm ba mươi mốt) đồng, trong đó:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 2036687 ngày 17/10/2014, nợ gốc là 29.034.420 đồng, nợ lãi là 40.687.146 đồng. Tổng gốc và lãi là: 69.721.566 đồng.

- Đối với hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-953126 ngày 21/8/2014 số tiền nợ gốc là 26.500.000 đồng, nợ lãi là 50.350.265 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 76.850.265 đồng.

Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Kể từ ngày 06/7/2018 bà Ccòn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 32036687 ngày 17/10/2014 và hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-953126 ngày 21/8/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng số 32036687 ngày 17/10/2014 và hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-953126 ngày 21/8/2014, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Bà Mai Nguyễn Quỳnh C phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 7.328.592 (Bảy triệu ba trăm jhai mươi tám ngàn năm trăm chin mươi hai) đồng Bà Mai Nguyễn Quỳnh C phải chịu.

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng TMCP T là 3.022.852 (Ba triệu không trăm hai mươi hai ngàn tám trăm năm mươi hai) đồng theo biên lai thu số 0027557 ngày 05/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Ngân hàng TMCP T, Bà Mai Nguyễn Quỳnh C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Đương sự;
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Huệ